TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỐ: 21/2017/HSST
NGÀY 22/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thanh và Ông Bạch Đình Thiết

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê tham gia phiên tòa: Ông Cao Anh Bắc, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2017/HSST ngày 31/5/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/HSST - QĐ ngày 08/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyệt N; sinh ngày 16/5/1986; sinh quán: xã X, huyện H, Hà Tĩnh; trú quán: xóm P, xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công chức kế toán; đoàn thể: Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng; trình độ học vấn 12/12; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị G; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại ở địa phương; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đinh Thị L; sinh ngày 12/12/1985; sinh quán: xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán: xóm V, xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công chức địa chính; đoàn thể: Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đinh Văn T và Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại ở địa phương; có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn H; sinh ngày 27/02/1962; sinh quán: xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán: xóm V, xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Cán bộ thủ quỹ; đoàn thể: Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt; trình độ học vấn 10/10; con

ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D (đều đã chết); tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Đại diện các hộ dân có mặt tại phiên tòa: Hộ bà Lê Thị L, bà Trịnh Thị H, bà Trần Thị M, đều trú tại xóm V, xã X; hộ ông Hà Văn T, trú tại xóm T, xã X; hộ ông Phạm Văn N, ông Phan Văn M, Lê Hữu H, đều trú tại xóm H, xã X; hộ ông Lê Hữu O, bà Nguyễn Thị N, bà Trịnh Thị Đ, bà Lê Thị X, bà Nguyễn Thị H, đều trú tại xóm V, xã X.

+ Đại diện các hộ dân vắng mặt tại phiên tòa: Hộ bà Hà Thị H, ông Lê Hữu P, ông Nguyễn Văn N, ông Lê Vạn L, ông Lê Hữu V, bà Lê Thị C, bà Lê Thị X, ông Lê Hữu C, ông Lê Thanh T, ông Lê Vạn N, ông Trịnh Xuân N, bà Đinh Thị B, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn H, ông Trịnh Xuân A, bà Lê Thị D, bà Lê Thị H, ông Lê Hữu B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T, bà Lê Thị Đ, đều trú tại xóm V, xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Hộ ông Đinh Văn N, bà Nguyễn Thị N, ông Lê Hữu N, ông Lê Hữu Đ, ông Lê Hữu D, bà Lê Thị H, ông Lê Hữu T, ông Phan Văn B, đều trú tại xóm T, xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Hộ ông Nguyễn Văn T, ông Phan Văn V, ông Đương Bá S, bà Phan Thị N, ông Nguyễn Văn D, bà Đinh Thị N, ông Nguyễn Văn Đ, ông Đinh Văn L, ông Lê Hữu T, ông Lê Hữu Đ, ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị V, bà Trương Thị L, bà Đinh Thị T, ông Dương Bá M, ông, bà Nguyễn Thị X, đều trú tại xóm H, xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Hộ ông Trịnh Xuân D, ông Phan Văn N, ông Cao Xuân V, bà Trịnh Thị N, bà Lê Thị P, ông Lê Hữu N, ông Lê Hữu A, ông Lê Hữu X, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị X, ông Phan Văn T, bà Phan Thị L, ông Hoàng P, bà Trịnh Thị H, ông Phan Viết L, đều trú tại xóm V, xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông Lê Hữu P, địa chỉ: Cán bộ UBND xã Hương Xuân, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: UBND xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, do ông Trịnh Xuân T, chức vụ: Chủ tịch UBND xã, làm người đại diện theo pháp luật. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 07/10/2010, Uỷ ban nhân dân huyện Hương Khê ban hành Quyết định số 2527/QĐ-UBND phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135 cho xã X với tổng số tiền 200.000.000đ, trong đó 177.600.000đ là

tiền hỗ trợ mua trâu, bò; còn lại 22.400.000đ là kinh phí tham quan học tập mô hình. Ngày 20/8/2010, UBND xã X lập Ban quản lý dự án 135 của xã gồm ông Lê Hữu P (Chủ tịch UBND xã) làm Trưởng ban; bà Đinh Thị L (cán bộ địa chính xã) và Nguyễn Thị Nguyệt N (cán bộ kế toán xã) làm thành viên, thực hiện việc xây dựng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Do biết được cụ thể mức hộ trợ tiền cho mỗi hộ dân, nên N nói với L: "Để lúc nào nhận tiền về trừ lại một ít". Ngày 05/11/2010 UBND xã X ban hành Quyết định số 112/QĐ-UBND về việc cấp kinh phí hỗ trợ cho 74 hộ nghèo thuộc các xóm V, T, S và H mỗi hộ là 2.400.000đ để mua trâu, bò, bê, nghé nhằm mục đích giúp các hộ vươn lên thoát nghèo và góp phần nâng cao đời sống về mặt vật chất và tinh thần cho nhân dân. Trước lúc phát tiền Nguyễn Thị Nguyệt N bảo với Nguyễn Văn H là cán bộ thủ quỹ của UBND xã X quá trình phát tiền trừ lại mỗi hộ 400.000đ để làm chi phí xây dựng hồ sơ và xăng xe, H đồng ý nên khi phát tiền H chủ động trừ lại 400.000đ, chỉ cấp phát cho mỗi hộ dân là 2.000.000đ. Tổng số tiền trừ lại của 74 hộ là 29.600.000đ. Sau đó N chia cho H 500.000đ, N và L mỗi người 2.400.000đ, số còn lại N quản lý. Sau khi sự việc bị phát hiện thì Đinh Thị L, Nguyễn Thị Nguyệt N và Nguyễn Văn H đã tự nguyện giao nộp số tiền 29.600.000đ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện H, đồng thời trực tiếp gặp 74 hộ dân để trả lại mỗi hộ 400.000đ.

Tại Cáo trạng số 16/CTr-KSĐT ngày 29/5/2017 của Viện trưởng VKSND huyện H truy tố đối với Nguyễn Thị Nguyệt N, Đinh Thị L và Nguyễn Văn H về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt N, Đinh Thị L và Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu trên, các bị cáo không kêu oan, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Đồng thời, các bị cáo khai và cho rằng trước khi thực hiện việc phát tiền trừ lại mỗi hộ 400.000đ các bị cáo đã vào phòng làm việc báo cáo xin ý kiến ông Lê Hữu P - Chủ tịch UBND xã kiêm Trưởng Ban quản lý Chương trình 135 xã, được ông P đồng ý và ông P là người được hưởng lợi nhiều nhất trong số tiền trên. Ông Lê Hữu P không thừa nhận lời khai trên của các bị cáo, ông không có ý kiến chỉ đạo và cũng không biết việc các bị cáo N, L, H cắt lại tiền hỗ trợ mua trâu bò của mỗi hộ 400.000đ. Đại diện các hộ dân và đại diện nguyên đơn dân sự UBND xã X không có yêu cầu bồi thường gì thêm và đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt N, Đinh Thị L và Nguyễn Văn H tự nguyện giao nộp 29.600.000đ tại Cơ quan CSĐT để khắc phục hậu quả, hiện nay Cơ quan CSĐT Công an huyện đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện theo quy định. Ngoài ra, quá trình điều tra lại các bị cáo đã tự

nguyện gặp 74 hộ dân để trả lại mỗi hộ 400.000đ, tổng số tiền 29.600.000đ, nay 74 hộ dân không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo áp dụng khoản 1 Điều 281; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt N áp dụng thểm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt Nguyễn Thị Nguyệt N 9 đến 12 tháng tù; Đinh Thị L 6 đến 9 tháng tù nhưng đều cho hưởng án treo. Xử phạt Nguyễn Văn H 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa về hành vi phạm tội là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: các bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt N, Đinh Thị L và Nguyễn Văn H nguyên là công chức UBND xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Theo quyết định của UBND xã về việc thành lập Ban quản lý dự án 135 thì N và L là thành viên, có nhiệm vụ xây dựng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt nguồn vốn hỗ trợ các hộ nghèo mua trâu, bò. Sau đó, khi thực hiện việc cấp phát số tiền 177.600.000đ cho 74 hộ dân, trong đó mỗi hộ dân được nhận khoản tiền theo quy định là 2.400.000đ nhưng N, L và H đã thống nhất chỉ phát 2.000.000đ đối với mỗi hộ, chiếm đoạt tổng số tiền 29.600.000đ. Hành vi của các bị cáo vì động cơ cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân đã phạm vào tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" quy định tại khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng số 16/CTr-KSĐT ngày 29/5/2017 của Viện trưởng VKSND huyện H truy tố đối với Nguyễn Thị Nguyệt N, Đinh Thị L và Nguyễn Văn H về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước trong việc hỗ trợ hộ nghèo phát triển sản xuất, ảnh hưởng xấu đến dư luận, làm mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào Nhà nước.

Xét vị trí vai trò, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, Nguyễn Thị Nguyệt N là thành viên Ban quản lý Chương trình 135 của xã, là bị cáo giữ vai trò chính, là người đề ra việc trừ lại tiền của các

hộ dân và trực tiếp quản lý chi tiêu số tiền đã chiếm đoạt; bị cáo Đinh Thị L cùng là thành viên Ban quản lý Chương trình 135 với bị cáo N, là bị cáo tiếp nhận ý kiến, cùng thực hiện tích cực với bị cáo N, mỗi bị cáo được hưởng lợi 2.400.000đ; Nguyễn Văn H là cán bộ thủ quỹ, trực tiếp phát tiền trừ lại mỗi hộ 400.000đ theo ý kiến của bị cáo N, tham gia vai trò thứ yếu trong vụ án và được hưởng lợi ít nhất 500.000đ.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử, xét thấy: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và giải quyết vụ án, các bị cáo đều khai báo thành khẩn và thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi của mình, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; các bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền đã chiếm đoạt 29.600.000đ cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả và đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho 74 hộ dân mỗi hộ 400.000đ, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều được 74 hộ dân (người bị thiệt hại), Cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể tại địa phương có đơn đề nghị giảm hình phạt là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt N có bố là ông Nguyễn Văn S là thương binh hạng 4/4, căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 và Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội là con của người có công với cách mạng" quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Riêng đối với Nguyễn Văn H là bị cáo có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án và chưa lần nào phạm tội, do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; bị cáo đã từng tham gia quân đội, hoàn thành nghĩa vụ về địa phương nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xét một cách toàn diện về tính chất, mức độ, điều kiện hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo, cũng như tình hình dư luận tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, mà cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo N và L; riêng bị cáo H cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, để cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương, có cơ hội làm lại cuộc đời, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật như lời đề nghị của Đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp. Xét bị cáo H hiện nay điều kiện kinh tế hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm được hưởng lương ổn định, Hội đồng xét xử miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo theo khoản 3 Điều 31 Bộ luật Hình sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 281 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính trên, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy tính chất mức độ hành vi phạm tội, số tiền các bị cáo được hưởng lợi ít và hoàn cảnh kinh tế đều khó khăn, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Các bị cáo đã tự nguyện trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 74 hộ dân mỗi hộ 400.000đ, với tổng số tiền 29.600.000đ, nay các hộ dân không có yêu cầu bồi thường, khiếu nại gì nên miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 29.600.000đ các bị cáo tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra, do các bị cáo đã bồi thường cho 74 hộ dân đầy đủ, cần trả lại cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Liên quan đến trách nhiệm của ông Lê Hữu P trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử trước đây chỉ có lời khai của Nguyễn Thị Nguyệt N cho rằng việc các bị cáo trích lại 400.000đ/hộ đã trực tiếp báo cáo xin ý kiến ông Lê Hữu P và được ông P đồng ý. Còn bị cáo Đinh Thị L thì chỉ nghe bị cáo N nói lại ý kiến trên của ông Lê Hữu P, chứ không trực tiếp nghe, chứng kiến sự việc.

Trong quá trình điều tra lại 3 bị cáo có thay đổi, bổ sung lời khai, đó là cả 3 bị cáo đều vào phòng ông Lê Hữu P - Chủ tịch UBND xã, để xin ý kiến về việc trích lại 400.000d/hộ và ông P đồng ý. Nhưng việc thay đổi lời khai này lại mâu thuẫn với lời khai của bị can Nguyễn Thị Nguyệt N đã khai trước đây là chỉ một mình N vào phòng ông P và không thống nhất với lời khai của các bị cáo trước đây. Trong khi ông Lê Hữu P từ khi xảy ra sự việc đến nay đều không thừa nhận với lời khai của các bị cáo. Ngoài lời khai của các bị cáo, không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc ông Lê Hữu P biết và đồng ý cho các bị cáo trích lại 400.000đ/hộ. Vì vậy, chưa đủ căn cứ để xác định ông Lê Hữu P có hành vi đồng phạm trong vụ án.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt N, Đinh Thị L và Nguyễn Văn H phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 281; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt N áp dụng thêm khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt N 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị L 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt N, Đinh Thị L cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 281; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã X giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho các bị cáo 29.600.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, cụ thể: Nguyễn Thị Nguyệt N 10.000.000đ; Đinh Thị L 10.000.000đ; Nguyễn Văn H 9.600.000đ.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Thị Nguyệt N, Đinh Thị L và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận: - Bị cáo; - Nguyên đơn dân sự; - Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; - VKSND huyện Hương Khê; - Công an huyện Hương Khê; - Chi cục THADS huyện Hương Khê; - THA Hình sự; - Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh; - TAND tỉnh Hà Tĩnh; - Lưu HSVA - VPTA.	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa** **Nguyễn Thanh Tùng**